**I. PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài:**

 **a. Cơ sở lý luận**

Toán học ngày càng có nhiều ứng dụng trong cuộc sống, những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản đã giúp con người giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống một cách có hệ thống và chính xác, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

Môn Toán ở trường phổ thông góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực toán học cho học sinh; phát triển kiến thức, kĩ năng then chốt và tạo cơ hội để học sinh được trải nghiệm, vận dụng toán học vào thực tiễn; tạo lập sự kết nối giữa các ý tưởng toán học, giữa Toán học với thực tiễn, giữa Toán học với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

Nội dung môn Toán thường mang tính logic, trừu tượng, khái quát. Do đó, để hiểu và học được Toán, chương trình Toán ở trường phổ thông cần bảo đảm sự cân đối giữa “học” kiến thức và “vận dụng” kiến thức vào giải quyết vấn đề cụ thể.

***\* Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể môn Toán lớp 1***

- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100.

- Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.

- Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ.

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100.

- Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.

- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.

- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

- Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.

Trong môn Toán lớp Một thì thời gian thực hành các phép tính cộng trừ trong phạm vi 10 chiếm gần ½ thời lượng chương trình. Đây là phần trọng tâm của chương

trình là nền tảng, là tiền đề giúp các em thực hành cộng, trừ thông thạo sau này.

Phát triển trí tuệ cho học sinh tiểu học là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của hầu hết các quốc gia, của những bậc phụ huynh và thầy cô giáo. Cùng với tất cả các môn học khác trong chiến lược phát triển toàn diện, có thể nói môn Toán đóng một vai trò hết sức quan trọng. Ở đâu chúng ta cũng sử dụng toán. Toán luôn hoà nhập với cuộc sống con người, với mọi lứa tuổi, không loại trừ trẻ em. Với trẻ em lớp một, toán là môn học còn mới mẻ. Ở lớp một, nó là ngưỡng cửa đầu tiên cho các em bước vào thế giới hình thành tri thức, nó rèn luyện cho các em không phải đơn thuần là tính toán, mà điều chủ yếu là năng lực tư duy. Tuy đơn giản nhưng lại là kiến thức cơ bản, nó cũng là nền tảng vững chắc cho cả quá trình học tập sau này của các em. Môn toán không những giúp các em rèn luyện được trình độ độc lập suy nghĩ, tạo điều kiện trong việc phát triển trí thông minh, mà nó còn góp phần vào việc hình thành phẩm chất cần thiết quan trọng của người lao động như: cần cù, chính xác, có ý chí vượt khó khăn, làm việc có kế họach, có nề nếp và tác phong khoa học.

 Xuất phát từ nhu cầu đặt ra trong quá trình nâng cao chất lượng dạy và học toán ở tiểu học. Vì vậy, người dạy phải biết cách dạy, phải rất am hiểu. Còn người học phải biết cách học, học không chỉ để nắm tri thức mà phải nắm cả phương pháp dành lấy tri thức để vận dụng vào cuộc sống. Cho nên, trong dạy học, ngoài chuyện cần dạy cách học thì quan trọng nhất là phải dạy như thế nào để cung cấp đầy đủ cho học sinh một kiến thức tối ưu cơ bản về số học, về kĩ năng thành thạo các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10 để làm cơ sở cho việc học, tiếp tục sau này một cách có hiệu quả và đạt chất lượng cao.

 Đó là những trăn trở của tôi trong mỗi giờ dạy học Toán. Và qua thực tế giảng dạy lớp mình, việc thực hành toán chưa đạt được yêu cầu như mong muốn, vì vậy tôi đã chọn đề tài **“Giúp học sinh lớp 1 học tốt môn toán”.**

**b. Cơ sở thực tiễn:**

Tôi nghiên cứu đề tài này với mục đích tìm ra các biện pháp giúp cho học sinh chậm tiếp thu có thể:

- Biết đọc lại các phép tính;

- Thực hành cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Nhìn tranh điền phép tính;

- So sánh các số để điền dấu;

- Thực hiện được dãy tính cộng, trừ.

**2. Lịch sử đề tài:**

Qua vài năm giảng dạy khối lớp Một và qua học hỏi kinh nghiệm ở các anh chị đồng nghiệp đi trước tôi nhận thấy việc thực hành các phép tính cộng, trừ của học sinh là rất quan trọng, cần thiết cho cuộc sống của các em sau này. Việc cộng, trừ của các em gặp khó khăn sẽ làm cho các em chán học, đồng thời còn ảnh hưởng đến năng lực tinh thần học tập của học sinh. Đây là một trong những vấn đề thường gặp đối với giáo viên dạy khối lớp Một, giáo viên luôn phải học hỏi và tìm biện pháp mới cho vấn đề đặt ra. Vì vậy, bản thân tôi luôn tìm tòi, nghiên cứu đúc rút kinh nghiệm để đề ra một số biện pháp giúp đỡ học sinh tiếp thu chậm khi thực hiện phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10 Lớp 1.

**3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu:**

Vấn đề đặt ra được thực hiện trong những giờ dạy học toán với sự cải tiến một số biện pháp hướng dẫn học sinh chậm tiếp thu khi thực hành cộng, trừ. Đề tài này được tôi áp dụng năm học 2022-2023 với lớp Một 1, sĩ số 26 học sinh.

**II. PHẦN NỘI DUNG**

**1 .Thực trạng đề tài .**

**1.1 Thuận lợi:**

 Chương trình sách giáo khoa đảm bảo cung cấp cho học sinh những kiến thức kĩ năng cơ bản, thiết thực có hệ thống, thể hiện được tính thống nhất của toán học. Nội dung của toán học được hình thành chủ yếu bằng hoạt động thực hành, luyện tập. Hệ thống các bài luyện tập, thực hành có nội dung cơ bản cập nhật, có hình thức thể hiện đa dạng, phong phú mà thời gian dành cho luyện tập thực hành nhiều hơn. Nội dung thể hiện trình độ chuẩn môn Toán lớp một, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, góp phần hình thành phương pháp suy nghĩ, phương pháp học tập cho học sinh, kiến thức gợi mở tạo ra những tình huống lôi cuốn học sinh tự phát hiện và giải quyết vấn đề. Đặc biệt, qua đó tăng cường rèn luyện khả năng thực hành cộng và trừ cho học sinh.

 Tổng số học sinh lớp học có 30 học sinh nên giáo viên quan tâm, kịp thời giúp đỡ học sinh. Giáo viên có nhiều năm giảng dạy lớp Một nên nắm vững cấu trúc chương trình tâm sinh lý lứa tuổi của các em cũng như một số kinh nghiệm trong giảng dạy.

Được sự quan tâm của Ban giám hiệu nhà trường; tổ chuyên môn và đặc biệt

là sự hợp tác của quí phụ huynh học sinh.

**1.2 Khó khăn**:

 Do nhu cầu đời sống nên không ít phụ huynh đã gởi con cho nội ngoại trông nom hoặc giao phó việc học cho giáo viên, để mặc các em tự học không kiểm tra với ý nghĩ học được chữ nào hay chữ đó, nếu không lên lớp năm sau học lại. Và trong lớp lại có nhiều đối tượng học sinh nên khả năng lĩnh hội tri thức cũng khác nhau.

 Do học sinh còn nhỏ, ảnh hưởng thói quen mẫu giáo “vừa học vừa chơi”, cũng như việc nhận dạng các số của các em còn hạn chế, nên đầu năm nề nếp học tập chưa tốt dẫn đến việc quản lí lớp của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Qua vài năm giảng dạy lớp một, tôi nhận thấy học sinh thực hành cộng, trừ trong phạm vi 10 còn hạn chế. Và với thực tế lớp Một năm 2022-2023 do tôi phụ trách có 30 học sinh, trong đó có một em kém phát triển, tám em tiếp thu chậm, năm em ham chơi. Trong khi chương trình sách giáo khoa từ bài 25 trở đi các em đã phải thực hành cộng, trừ để tìm ra kết quả. Vì vậy, đòi hỏi các em phải có khả năng tư duy để lĩnh hội tri thức.

Chính vì vậy trong dạy học giáo viên sẽ gặp không ít khó khăn. Khó khăn là không phải học sinh nào cũng có sự tiếp thu như nhau, có học sinh thông minh, có học sinh chậm tiếp thu, lại có những học sinh nghịch ngợm... rồi khó khăn như khả năng thực hành của học sinh còn rất kém, thậm chí có em còn không đọc viết số được như các em: Ngọc Thắm,Hạo Thiên. Đây là vấn đề đặt ra cho giáo viên về chất lượng lớp cuối năm, làm thế nào để các em đọc thông viết thạo các số cũng như thực hành cộng, trừ đó chính là vấn đề người giáo viên đứng lớp cần phải tìm biện pháp giải quyết.

**1.3 Nội dung cần giải quyết**:

Qua tìm hiểu, tôi nhận thấy học sinh lớp Một rất thích quan sát, ưa tìm tòi và việc phát hiện, tiếp thu kiến thức còn nặng về trực quan. Do đó mỗi bài học tôi đều sử dụng tranh ảnh, vật thật,… để các em quan sát, từ đó các em sẽ hứng thú và phát huy năng lực học tập của mình. Đặc biệt là các em rất thích thi đua, cho nên sau mỗi giờ học tôi thường cho từng nhóm cá nhân thi đua thực hành với nhau để các em khắc sâu hơn về các phép tính đã học và tạo cho các em cảm giác thoải mái, hứng thú hơn trong khi học. Và qua tham khảo sách báo, những sáng kiến kinh nghiệm mà các đồng nghiệp đã thực hiện trong những năm qua cùng với những nghiên cứu của bản thân, tôi đã áp dụng vào việc giảng dạy cho các em nhằm từng bước nâng cao chất lượng thực hành toán. Tôi đề ra một số vấn đề cần giải quyết như sau:

 - Tìm những khó khăn mà học sinh chậm tiếp thu thường gặp khi học toán.

 - Phân tích nguyên nhân của những khó khăn mà học sinh thường gặp khi học toán.

 **-** Dùng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp học sinh tiếp thu tốt hơn và thường xuyên sửa sai cho học sinh.

 - Kết hợp giữa nhà trường và gia đình, tổ chức họp phụ huynh học sinh để có biện pháp rèn luyện thêm ở nhà.

**2. Biện pháp giải quyết:**

**2.1 Tìm những khó khăn mà học sinh thường gặp khi học toán:**

 Vào lớp Một, trẻ em được tiếp xúc với các đối tượng toán học, các quan hệ toán học, các phép tính cộng trừ là cơ sở ban đầu làm nền tảng cho quá trình học môn Toán sau này. Đặc biệt là lần đầu tiên các em được làm quen và rèn luyện với các thao tác tư duy ở môn Toán lớp Một, môn Toán đã mở đầu cho việc học các số tự nhiên. Để các em đi tiếp vững chắc sang các lớp học sau này thì ngay từ đầu các em phải thực hiện thông thạo các phép tính cơ bản ở lớp Một mà trọng tâm nhất là phải biết cách tính các dạng toán cộng, trừ các số tự nhiên trong phạm vi 10.

Qua nhiều năm giảng dạy lớp 1, qua thực tế lớp học của mình, tôi đã tìm hiểu được những yếu kém mà các em thường gặp khi thực hành các dạng toán trong phạm vi 10. Ở lớp 1, phép cộng trong phạm vi 10 rất đa dạng nó không phải chỉ đơn thuần 2 + 1 = 3 mà trong đó có kiểu bài tập tình huống rất phong phú. Chính vì vậy mà học sinh gặp phải nhiều khó khăn khi thực hành các dạng toán sau đây:

 **\* Khó khăn khi thực hiện phép tính có đến 2 dấu cộng hoặc trừ**:

Ví dụ:

 1 + 2 + 6 =

 4 + 5 - 7 =

 Học sinh chậm tiếp thu sai vì không thực hiện hai phép tính mà chỉ tìm được kết quả của phép tính ban đầu sau đó ghi ngay ra liền kết quả, nhiều em khi thực hiện cộng rồi trừ tiếp hoặc trừ rồi cộng tiếp do đó các em còn lọng cọng đôi tay nên khi đếm lại kết quả như sau:

 1 + 2 + 6 = 3

 4 + 5 - 7 = 9

 **\* Khó khăn khi điền dấu >, <, =:**

 Ví dụ: 3 + 4 10

Khi gặp phải dạng toán này các em học sinh thường gặp khó khăn là điền hướng của dấu >, <, vì không thực hiện được phép tính nên điền chưa chính xác dấu như sau:

 3 + 4 > 10

 **\* Khó khăn khi thực hiện dạng toán điền số:**

 Ví dụ: 3 + = 5

Đối với kiểu bài này, các em thường chưa chính xác vì không thuộc bảng cộng trừ, thường các em nhìn thấy dấu + lại lấy hai số đã có cộng lại cho ra kết quả điền vào hoặc trừ thì lấy hai số đã có trừ với nhau, các em sẽ điền như sau:

 3 + 8 = 5

 **\* Khó khăn khi viết phép tính tương ứng dưới tranh:**

 Ví dụ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |

 Đây là dạng bài toán trừu tượng thường các em thực hiện tính cộng, phép tính trừ đa số các em đều viết phép tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | - | 3 | = | 2 |

**2.2 Phân tích nguyên nhân của những khó khăn mà học sinh thường gặp khi học toán:**

 **\* Do hạn chế về tư duy:**

 Có vài trường hợphọc sinh có tư duy kém phát triển, mặc dù giáo viên rất cố gắng sử dụng nhiều phương pháp để giảng dạy nhưng không hiệu quả cao như học sinh bình thường.

 **\* Các ảnh hưởng xuất phát từ cha mẹ học sinh**:

 Nhiều gia đình nuông chiều các em quá mức, muốn gì được nấy, không tạo điều kiện tốt cho việc học tập ở nhà của các em. Trẻ em còn ham chơi nhưng không tổ chức cho các em chơi hợp lí, các em lao vào những vui chơi không có lợi cho học tập nhưng gia đình không có ý kiến. Cũng có trường hợp gia đình ỷ lại vào nhà trường, cho rằng đó là việc của các thầy cô giáo, còn gia đình không có sự hợp tác nào với nhà trường. Đặc biệt, rất nhiều gia đình cha mẹ không thể giúp đỡ các em trong học tập hoặc nếu có quan tâm đến thì cũng có thái độ không đúng như la rầy, to tiếng, đòn roi,…Hoàn cảnh khó khăn bất lợi cho việc học tập. Cũng có gia đình giàu có nhưng lại lao vào công cuộc làm ăn kinh tế bỏ bê không quan tâm việc học của con em mình. Kinh tế gia đình khó khăn nên các em phải ở nhà giữ nhà trông em, có em không đủ thời gian học bài hoặc cha mẹ đi làm không có thời gian để dạy cho các em ở nhà, các em chỉ học “qua loa”.

 Bố mẹ ly thân hoặc thường hay bất hoà đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm lí của các em, các em còn nhỏ cần có mái ấm tốt để học tập và vui chơi nhưng gia đình đã không tạo điều kiện tốt cho các em thì dù nhà trường có cố gắng, có quan tâm đến đâu cũng không lôi cuốn các em ham thích học tập. Vì những em này vào lớp học rất lơ đễnh, trong khi học thực hành thường mắc phải nhiều sai sót. Các em thường học trước quên sau, gây rất nhiều khó khăn cho giáo viên đứng lớp.

 **\* Nguyên nhân chủ quan từ học sinh**:

 Học sinh thường không tự giác trong học tập, không thấy hứng thú mà xem như “cực hình”. Vào lớp các em lơ là việc học tập, không chú ý nghe giảng… Cũng có thể phương pháp học tập không tốt, chủ yếu là ghi chép máy móc, lười suy nghĩ để hiểu bài. Các em muốn tránh khỏi hoạt động trí tuệ nên tìm con đường vòng vo, giải thoát chúng khỏi sự cần thiết phải tư duy. Hậu quả là dẫn đến sự hạ thấp mức độ phát triển trí tuệ. Cũng có thể về một mảng kiến thức nào đó do các em có lỗ hổng kiến thức ngay từ đầu năm.

 **\* Do sức khoẻ bản thân**:

 Sức khoẻ cũng là nguyên nhân của học kém. Một tinh thần minh mẫn trong một cơ thể tráng kiện đã nói lên điều đó. Sức khoẻ không tốt các em phải nghỉ học, kiến thức bị hao hụt nên việc tiếp thu khó khăn, sự cố gắng không bền bỉ, dễ thoái chí, nản lòng.

**2.3 Dùng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp học sinh tiếp thu** **bài tốt hơn và thường xuyên sửa cho học sinh:**

**\* Khó khăn trong thực hiện phép tính có đến 2 phép tính**:

 Ví dụ: 1 + 2 + 6 = 9

Học sinh dễ mắc sai lầm nhiều nhất vì các em chỉ thực hiện một phép tính đầu là 1 + 2 = 3 sau đó ghi ngay kết quả là 3. Do đó bắt buộc các em phải thực hiện tính nhẩm 2 bước bằng miệng là 1 + 2 = 3, rồi tiếp tục 3 + 6 = 9. Gọi học sinh lên bảng lớp làm, giáo viên sửa và chỉ rõ các em thấy các bước tính. Từ đó các em không còn mắc phải nữa.

 Ví dụ: 4 + 5 – 7 = 2

Đối với phép tính có 2 phép tính cộng hoặc trừ các em thường gặp rất nhiều khó khăn khi phải cộng rồi trừ, trừ rồi cộng, trong cùng một lúc các em đưa ra, nên các em dễ lẫn lộn. Những học sinh này giáo viên sẽ hướng dẫn cho các em tính từng bước tìm kết quả của từng phép tính: 4 + 5 = 9, rồi tiếp tục lấy 9 – 7 = 2 sau đó mới ghi kết quả cuối cùng là 2 vào. Cho nên qua thực hành nhiều lần ở bảng lớp các em đã nắm vững được và làm rất thông thạo.

**\* Khó khăn trong điền dấu > < = :**

 Khi hỏi số nào lớn hơn số nào bé hơn các em thường trả lời ngay được nhưng điền vào các em lại điền chưa chính xác dấu vì các em chưa phân biệt được dấu (>), (<). Nhưng hỏi dấu bé, dấu lớn mũi nhọn quay về phía bên nào các em vẫn nói đúng. Vậy các em gặp khó khăn vì sao? Vì các em chưa biết cách viết. Để các em khắc sâu hơn giáo viên hình thành cho các em biểu tượng ban đầu: dùng cánh tay trái gập khuỷu tay vào là dấu bé (<), dùng cánh tay phải gập khuỷu tay vào là dấu lớn (>). Cho các em dùng tay thử nhiều lần và sau đó thực hành điền dấu so sánh ở bảng lớp để từ đó các em không phải gặp với khó khăn khi điền dấu nữa.

 Riêng bài toán so sánh mà trước hoặc sau nó có phép tính cộng hoặc trừ các em rất lúng túng không biết làm thế nào để so sánh. Giáo viên sẽ hướng dẫn cho các em phải thực hiện phép tính trước, sau đó mới so sánh. Lúc đầu cho các em dùng dấu móc để tính 2 số về một số rồi so sánh, sau đó các em quen dần rồi mới nhẩm. Đây là bài toán so sánh có phép tính nên giáo viên cần cho học sinh thực hành ở bảng lớp 2 bước nhiều lần và chỉ rõ ra các em không còn lúng túng khi thực hành dạng toán này. Với cách làm như vậy, học sinh đã thực hiện như sau:

 3 + 4 10 3 + 4 < 10

 **7 7**

**\* Khó khăn dạng toán tìm số còn thiếu điền vào ô trống :**

 Tư duy của các em còn kém nên khi thực hiện các dạng toán điền vào ô trống các em không thực hiện được, không nghĩ ra được số cần điền vào ô trống hay cách tìm số cần tìm. Vì đây là loại toán không tường minh để các em không nhầm là cộng và trừ 2 số sẽ cho ra kết quả nên giáo viên cho các em sử dụng phép đếm thêm hoặc bớt. Tính cộng thì các em không cần đưa ra số đã có mà chỉ cần đếm thêm vào đến kết quả mỗi lần đếm thêm một ngón tay sau đó đếm tổng số cần điền. Với tính trừ các em sẽ đưa số đã có ra và bớt đi phần kết quả sẽ tìm được số còn lại điền vào ô trống. Với cách này các em sẽ làm tốt.

Ví dụ: 3 + = 5 giáo viên hướng dẫn như sau: có 3 rồi các em xòe tay đếm tới 5 sau đó đếm xem xòe ra mấy ngón tay, 2 ngón thì điền số 2 vào.

Ví dụ: 7 – = 4 giáo viên hướng dẫn như sau: có 7 ngón tay bớt đi 4 ngón tay kết quả sau đó đếm xem còn bao nhiêu ngón tay, 3 ngón thì điền số 3 vào.

**\* Khó khăn khi nhìn tranh viết phép tính tương ứng thích hợp dưới tranh:**

 Đây là dạng bài tập trừu tượng giúp học sinh hình thành kĩ năng biểu thị tình huống của bài toán bằng một phép tính ứng với mỗi tranh vẽ. Với khả năng của học sinh các em khó tư duy nên giáo viên phải hình thành cho các em cách xem tranh.

 - Tranh vẽ có dạng cùng chạy đến, mũi tên quay vào hoặc đâu mặt vào nhau là phép cộng.

 - Nếu tranh có hình vẽ chạy đi, bay đi, rơi xuống hoặc mũi tên đưa ra ngoài là phép trừ.

 - Nhìn tranh theo các hình vẽ trên nêu được đề toán, nếu cộng phải dùng từ “có tất cả”, trừ dùng từ “còn lại”. Ở đây quan trọng nhất là làm thế nào để học sinh biết viết được phép cộng và trừ tương ứng dưới tranh là đạt yêu cầu. Thường các học sinh thực hiện phép cộng rất tốt nhưng phép trừ các em còn mắc phải sai lầm là lấy nhóm vật còn lại trừ đi nhóm vật bớt đi, do đó các em thực hiện phép tính sai. Để các em không mắc phải khó khăn khi thực hiện dạng toán này giáo viên phải nói rõ cho các em biết là lấy tổng số lúc đầu đã có trừ đi số đã bớt đi để có kết quả đúng. Khi làm xong yêu cầu học sinh đếm số mẫu vật còn lại xem có đúng kết quả chưa?

Ví dụ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 8 | - | 3 | = | 5 |

Giáo viên hướng dẫn như sau: Có bao nhiêu hình tròn? (8 hình tròn). Cô bớt đi 3 hình tròn đó ta làm tính gì? (trừ ). Trừ mấy? (3) Các em đếm xem còn bao nhiêu hình tròn? (5) Và với biện pháp này đa số các em thực hiện tốt.

 Hình thành kĩ năng và giúp học sinh làm tính thành thạo, chính xác là điều rất quan trọng. Để thực hiện cộng trừ 2 số tự nhiên lớn hơn 0 trong phạm vi 10, học sinh cần phải thuộc lòng bảng cộng, trừ. Để giúp học sinh ghi nhớ công thức cộng trừ đã học cần tổ chức cho học sinh hoạt động với nhiều hình thức khác nhau, làm bài tập về tính, về tái hiện từng phần của công thức, tái hiện toàn bộ bảng cộng, bảng trừ… Ngoài các bài tập nêu trong sách giáo khoa cần tổ chức các trò chơi học tập để giúp học sinh đặc biệt là học sinh thuộc, vận dụng nhanh bảng cộng, bảng trừ.

Ví dụ: Trò chơi **“Tiếp sức?”**

Giáo viên chia lớp thành 3 đội, cho các đôi thi đua giải toán nối tiếp. Mỗi đội cử 4 em lần lượt làm các phép tính xem đội nào tính nhanh và chính xác hơn thì đội đó thắng.

3 + 4 =

2 + 6 =

7 + 1 =

5 + 4 =

3 + 4 =

2 + 6 =

7 + 1 =

5 + 4 =

 3 + 4 =

2 + 6 =

7 + 1 =

5 + 4 =

**2.4 Kết hợp giữa nhà trường và gia đình. Tổ chức họp phụ huynh học sinh để có biện pháp rèn luyện thêm ở nhà**.

Thường đầu năm học, nhà trường có tổ chức họp phụ huynh học sinh từng lớp. Tôi đã dùng một số biện pháp để nhờ phụ huynh hỗ trợ thêm vào việc giảng dạy cho học sinh như:

- Nêu yêu cầu cần đạt của học sinh lớp Một.

- Nhắc nhở các em thực hành ở nhà

Ngoài việc họp phụ huynh học sinh giáo viên cần liên hệ thường xuyên với gia đình, để gia đình biết sức học của các em để từ đó phụ huynh giúp thêm cho giáo viên trong giảng dạy để đạt kết quả cao hơn. Nhất là những em cần liên hệ với gia đình nhiều lần, vì gia đình cũng là yếu tố quan trọng giúp các em học tốt hơn.

Ngoài các giải pháp trên, tôi luôn tuyên dương học sinh có tiến bộ trong các tiết học. Mỗi tuần vào giờ sinh hoạt lớp, tôi còn tuyên dương những em có tiến bộ và động viên những em học còn lại, tránh chê trách các em chưa tiến bộ trước lớp, các em sẽ có mặc cảm và chán học.

Giáo viên dùng lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa. Viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời.

 Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn.

Đánh giá thường xuyên về năng lực, phẩm chất.

**3. Hiệu quả của đề tài** :

Trong thời gian nghiên cứu và thực hiên đề tài với sự cố gắng nỗ lực của bản thân cùng với những biện pháp nêu trên và sự phấn đấu không ngừng của học sinh, tuy thời gian chưa lâu nhưng tôi thấy các em: Anh Khoa, Phát Tài, Ngọc Tuyền, Cát Tường, Thanh Vy, Minh Quân, Phương Lâm tiến bộ rất nhiều. Giờ đây các em đã đọc viết đúng các số. Các em Cát Tường, Thanh Vy, Minh Quân, Phương Lâm giờ đã làm được phép cộng trong phạm vi 10, chỉ còn một vài em phải xòe tay và 1 em cầm que tính để tính.

Qua áp dụng những biện pháp trên, kết quả giữa học kì I và cuối học kì I, mức độ học tập của học sinh lớp tôi cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **TSHS** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **Giữa học kì I** | 26 | 15 | 57,7 | 9 | 34,6 | 2 | 7,7 |
| **Cuối học kì I** | 26 | 24 | 92,3 | 2 | 7,7 | 0 | 0 |

Kết quả trên cho thấy những biện pháp mà tôi áp dụng kết quả rất khả quan, tiếp tục áp dụng những biện pháp trên trong giảng dạy, tôi tin rằng những năm sau học sinh thực hành cộng, trừ sẽ tốt hơn.

**III. PHẦN KẾT LUẬN.**

 **1. Tóm lược giải pháp**:

Muốn đạt được hiệu quả cao trong giảng dạy và trong học tập, đòi hỏi sự nỗ lực và phấn đấu không ngừng của giáo viên và học sinh. Bởi vì, người giáo viên phải có những biện pháp tích cực, áp dụng thường xuyên, liên tục, có như vậy mới nâng cao khả năng thực hành toán cho học sinh. Bên cạnh đó, giáo viên cần phải quan tâm đến mọi đối tượng học sinh trong giờ học. Với học sinh thì chỉ yêu cầu các em làm đúng các bài tập, khuyến khích các em tính chính xác và nhanh nhẹn. Điều quan trọng là giáo viên phải hướng các em cùng tham gia vào hoạt động học tập và hình thành cho học sinh một số kĩ năng thực hành tính toán: kĩ năng thực hiện phép tính có đến 2 dấu phép tính, kĩ năng điền dấu > < =, kĩ năng tìm số còn thiếu vào ô trống, kĩ năng viết phép tính tương ứng dưới tranh.

**2. Ý nghĩa của sang kiến kinh nghiệm; bài học kinh nghiệm**:

 Để việc dạy học toán đảm bảo tính khoa học, tính chính xác, tính sư phạm và phát huy được tính chủ động sáng tạo của học sinh, giáo viên phải không ngừng học tập nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình để từ đó sẽ phát hiện và rút ra một số cách khai thác để giúp học sinh yếu kém khắc phục khó khăn khi học toán. Bên cạnh đó đòi hỏi giáo viên phải nhiệt tình giảng dạy và hết sức cố gắng kiên trì bền bỉ, chịu khó, quan tâm đến từng đối tượng học sinh, sửa chữa, giúp đỡ học sinh kịp thời, đúng lúc, nhất là đối với học sinh chậm tiếp thu.

Dạy học toán 1 là một mắt xích rất quan trọng vì kiến thức có hệ thống chặt chẽ, mang tính trừu tượng và khái quát cao. Nắm được bài trước là điều kiện tốt để học các bài sau. Học môn toán ở lớp này cũng có thể chậm tiếp thu ở những lớp sau nếu không có biện pháp đúng đắn để khắc phục. Do đó để đạt được chất lượng cao trong quá trình dạy và học toán ở tiểu học thì người giáo viên tìm hiểu nghiên cứu những vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học toán lớp 1, giáo viên còn phải tìm ra biện pháp để giúp đỡ học sinh khắc phục khó khăn khi thực hành.

**3. Khả năng ứng dụng , triển khai:**

 Dù kinh nghiệm bản thân chưa nhiều nhưng tôi cố gắng tìm ra các biện pháp chỉ trong thời gian ngắn và đạt kết quả rất khả quan. Những biện pháp này tôi đã áp dụng cho học sinh lớp 1 trường tiểu học Bình Thạnh và theo tôi nó có thể áp dụng cho tất cả học sinh lớp 1.

**4. Những kiến nghị, đề xuất:**

 Không có.